

4. Hãy kể về một kỉ niệm với người bạn tuổi thơ, khiến em xúc động và nhớ mãi.

Gợi ý làm bài

1. Hình thức bài viết là một lá thư gửi bạn cùng lớp. Nội dung kể về một buổi thăm trường vào một ngày hè, sau 20 năm xa cách. Có nghĩa là phải tưởng tượng mình đã trưởng thành, đóng vai một người có một vị trí, một công việc nào đó, nay trở lại thăm ngôi trường. Cần viết được một số ý như : lí do trở lại thăm trường, thăm trường vào buổi nào, đi cùng với ai, đến trường gặp ai ; thấy quang cảnh trường như thế nào, nhớ lại cảnh trường ngày xưa mình học ra sao, ngôi trường ngày nay có gì khác trước, những gì vẫn còn như xưa, những gì gợi lại cho em những kỉ niệm buồn, vui của tuổi học trò, trong giờ phút đó bạn bè hiện lên như thế nào,...

2. Đề bài giả định người viết có người thân đi xa (đi xa có thể hiểu là đi công tác xa, chuyển chỗ ở tới nơi xa và cũng có thể là đã mất). Người thân tức là người có những kỉ niệm gắn bó sâu nặng, quen thuộc và thân thiết với người viết. Yêu cầu của đề bài là kể lại một giấc mơ gặp lại người thân. Người đó bây giờ ở đâu, làm gì ? Khi gặp lại thấy hình dáng, cử chỉ, nét mặt, động tác, lời nói,... ra sao (tả người và tả hành động) ? Cuộc gặp gỡ ấy gợi lên cho em ấn tượng và cảm xúc như thế nào ?

3. Người viết cần kết hợp những hiểu biết thực tế (nghe kể, đọc sách, xem phim ảnh) và trí tưởng tượng của mình về cuộc chiến đấu. Đoạn văn miêu tả Quang Trung đánh đồn Ngọc Hồi cũng có thể cho người viết những gợi ý tốt. Cần chú ý kết hợp kể với tả thì bài viết mới sinh động và phong phú.

4. Có thể nêu một số ý theo trình tự sau : Giới thiệu người bạn của mình là ai. Kỉ niệm khiến mình xúc động là kỉ niệm gì (nêu một cách khái quát) ? Sau đó tập trung kể về kỉ niệm xúc động ấy. Chuyện xảy ra ở đâu, lúc nào (thời gian, hoàn cảnh,...), với ai (kết hợp miêu tả nhân vật) ? Chuyện xảy ra như thế nào ? (mở đầu, diễn biến, kết quả – kết hợp miêu tả hành động). Điều gì khiến em xúc động ? Xúc động như thế nào (miêu tả các biểu hiện của sự xúc động) ? Em có suy nghĩ gì về kỉ niệm đó ?

BÀI 8

THUÝ KIỀU BÁO ÂN BÁO OÁN

(Trích *Truyện Kiều*)

ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

Bài tập

- Thứ lí giải vì sao Nguyễn Du để cho nhân vật Thuý Kiều dùng nhiều từ Hán Việt và vận dụng điển cố khi nói với Thúc Sinh, còn khi nói về Hoạn Thư, nói với Hoạn Thư, nhà thơ lại để cho Kiều dùng nhiều từ thuần Việt và vận dụng những thành ngữ dân gian ?
- Phân tích những biểu hiện đa dạng nhưng hợp lí, nhất quán trong tính cách Thuý Kiều trong đoạn thơ này.
- Qua lời lẽ của Hoạn Thư trong đoạn thơ, em cảm nhận như thế nào về tính cách của nhân vật này ?
- Trong đoạn *Thuý Kiều báo ân báo oán*, tác giả đã dùng biện pháp nghệ thuật nào để khắc họa tính cách nhân vật ?

- A – Miêu tả nội tâm
B – Tả cảnh ngụ tình
C – Miêu tả ngôn ngữ đối thoại.

- Trong các trích đoạn *Truyện Kiều* đã học có miêu tả nhân vật như *Chị em Thuý Kiều*, *Kiều ở lầu Ngưng Bích*, *Mã Giám Sinh mua Kiều*, *Thuý Kiều báo ân báo oán*, hãy đặt các đoạn trích đó vào ô trống thích hợp trong bảng dưới đây :

Nghệ thuật miêu tả nhân vật	Đoạn trích
Bút pháp hiện thực miêu tả ngoại hình	
Bút pháp ước lệ miêu tả ngoại hình	
Qua ngôn ngữ đối thoại	
Bút pháp tả cảnh ngụ tình, ngôn ngữ độc thoại	

Gợi ý làm bài

1. Khi nói với Thúc Sinh, trong ngôn ngữ của Kiều xuất hiện nhiều từ Hán Việt : *nghĩa, tòng, phu, cố nhân*... kết hợp với điển cố *Sâm Thương*. Lời lẽ của Kiều khi nói với Thúc Sinh là lời lẽ của một "phu nhân" với những khái niệm đạo đức phong kiến như chữ "nghĩa", chữ "tòng" và "những phong cách biểu hiện ước lệ, công thức "Sâm Thương", "nghĩa trọng nghìn non" (Đặng Thanh Lê). Cách nói trang trọng này phù hợp với chàng thư sinh họ Thúc đồng thời diễn tả được tấm lòng biết ơn trân trọng của Kiều.

– Khi nói về Hoạn Thư, nói với Hoạn Thư, trong ngôn ngữ của Kiều lại xuất hiện nhiều từ thuần Việt và những thành ngữ dân gian : *quý quái tinh ma ; kẽ cắp, bà già gấp nhau ; kiến bò miệng chén ; càng cay nghiệt lấm, càng oan trái nhiều*... Cách nói hết sức nôm na, bình dị, dễ hiểu này phù hợp với đối tượng và mục đích giao tiếp. Hành động trùng phạt cái ác theo quan điểm của nhân dân phải được diễn đạt bằng lời ăn, tiếng nói của nhân dân. "Thuý Kiều nói về Hoạn Thư trên cơ sở một triết lí nhân sinh có tính chất quần chúng ! Đây là triết lí "vô quýt dày có móng tay nhọn", một quan niệm xử thế rất công bằng để đối xử lại với xã hội đầy áp bức, lừa đảo xưa kia. Người thiếu nữ chỉ quen "Lời lời chau ngọc hàng hàng gầm thêu" một khi bị xô đẩy ra khỏi nhung lụa, cũng sẽ nói năng, cử chỉ như quần chúng". (Đặng Thanh Lê)

2. Trong đoạn trích, người đọc đã thấy ở nhân vật Thuý Kiều đa dạng nhưng nhất quán về tính cách.

Mọi biểu hiện đa dạng, phức tạp trong tính cách của Thuý Kiều đều làm nổi bật lên vẻ đẹp từ tấm lòng vị tha, nhân hậu của nàng.

Với tấm lòng nhân hậu, Kiều đã trả ơn Thúc Sinh. Chàng Thúc đã đưa Kiều ra khỏi lâu xanh, cứu nàng thoát khỏi cảnh đời ô nhục, đem đến cho nàng những ngày tháng êm ấm của cuộc sống gia đình. Thế nhưng sự gắn bó với Thúc Sinh đã đưa Kiều vào hoàn cảnh "Dám chua lại tội bằng ba lửa nồng". Kiều bị vợ cả của Thúc Sinh là Hoạn Thư hành hạ. Vậy mà nàng vẫn gọi ơn của Thúc Sinh dành cho nàng là "nghĩa nặng nghìn non". Không một lời trách Thúc Sinh vì nàng thấu hiểu nỗi đau khổ của mình không phải do chàng gây ra mà thủ phạm chính là Hoạn Thư : "Tại ai, há dám phụ lòng cố nhân ?". Với Kiều thì dù có "Gầm trăm cuốn bạc nghìn cân" cũng chỉ "gọi là" chút lòng đền đáp chứ chưa dễ xứng với ơn nghĩa Thúc Sinh dành cho nàng. Kiều đúng là người nghĩa tình "Ôn ai một chút chẳng quên".

Cùng với tấm lòng trọng ơn nghĩa, ở Thuý Kiều còn có lòng khoan dung. Không thấy được sự thống nhất giữa tinh thần trọng ơn nghĩa với lòng khoan dung ấy thì khó mà lí giải được những hành động đối lập nhau của Kiều xảy ra cùng một lúc. Qua lời nói, khi mỉa mai "Tiểu thư cũng có bảy giờ đến đây!", khi thẳng thừng : "Đàn bà dễ có mấy tay – Đời xưa mấy mặt đời này mấy gan !",... có thể thấy Kiều đã xác định không lầm "Chính danh thủ phạm tên là Hoạn Thư". Một cuộc báo thù ghê gớm như sắp xảy ra theo đúng quan niệm dân gian : "Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa", "Càng cay nghiệt lắm càng oan trái nhiều". Vậy mà liền sau đó, nghe Hoạn Thư "liệu điêu kêu ca", Kiều đã thay đổi ngay thái độ : "Truyền quân lệnh xuống trướng tiền tha ngay". Sự thay đổi ấy xuất phát từ tấm lòng khoan dung và sự thấu hiểu lẽ đời của Kiều. Nàng bao dung, thấu hiểu Hoạn Thư mang tâm lí chung của giới nữ : "Ghen tuông thì cũng người ta thường tình", "Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai". Kiều không cố chấp khi Hoạn Thư đã biết lỗi : "Trót lòng gây việc chồng gai", và xin tha : "Còn nhờ lượng bể thương bài nào chẳng" thì Kiều cũng khoan dung độ lượng : "Đã lòng tri quá thì nên". Kiều đã cư xử theo triết lí dân gian : "Dánh kẻ chạy đi chứ không ai đánh người chạy lại".

3. Tính cách của Hoạn Thư cũng có những biểu hiện phong phú, đa dạng nhưng tất cả đều nhất quán ở bản chất một con người khôn ngoan,狡猾. Hay nói như Kiều, đây là con người "sâu sắc nước đời" đến "quỷ quái tinh ma".

Hoạn Thư狡猾 trong cách ứng xử. Ban đầu, Hoạn Thư có "hồn lạc phách xiêu". Nhưng ngay trong hoàn cảnh ấy, Hoạn Thư vẫn kịp "liệu điêu kêu ca".

Hoạn Thư khôn ngoan trong các lí lẽ để gỡ tội. Con người này "Nói lời ràng buộc thì tay cũng già". Trước hết Hoạn Thư dựa vào tâm lí thường tình của người phụ nữ : "Rằng : Tôi chút phận đàn bà – Ghen tuông thì cũng người ta thường tình". Lí lẽ này đã đưa Kiều và Hoạn Thư từ vị thế đối lập trở thành người đồng cảnh, cùng chung "chút phận đàn bà". Nếu Hoạn Thư có tội thì cũng là do tâm lí chung của giới nữ : "Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai". Từ *tội nhân*, Hoạn Thư đã lập luận để mình trở thành *nạn nhân* của chế độ đa thê. Tiếp đến, Hoạn Thư kể lại "công" đã cho Kiều ra viết kinh ở gác Quan Âm và không bắt giữ khi nàng bỏ trốn khỏi nhà họ Hoạn. Từ tội nhân thành nạn nhân rồi thành *ân nhân*, con người này thật khôn ngoan,狡猾. Cuối cùng Hoạn Thư nhận tất cả tội lỗi về mình, chỉ còn biết trông cậy vào tấm lòng khoan dung, độ lượng của Kiều : "Còn nhờ lượng bể thương bài nào chẳng",... Lớp lang lời tự bào chữa của Hoạn Thư theo ba bước như vậy chứng tỏ Hoạn Thư đúng là người "sâu sắc nước đời", không những "chàng Thúc phải ra người bó tay" mà chính Kiều cũng ở vào hoàn

cảnh khó xử : "Tha ra thì cũng may đời – Làm ra thì cũng ra người nhở nhen". Tuy nhiên, Kiều đã vượt qua hoàn cảnh khó xử ấy bằng chính tấm lòng khoan dung, nhân hậu : "Đã lòng tri quá thì nên – Truyền quân lệnh xuống trướng tiền tha ngay".

3. Đọc phần *Ghi nhớ* (*Ngữ văn 9*, tập một, trang 109) để trả lời.

4. Đặt đoạn trích vào ô trống thích hợp

Nghệ thuật miêu tả nhân vật	đoạn trích
Bút pháp hiện thực miêu tả ngoại hình	<i>Mã Giám Sinh mua Kiều</i>
Bút pháp ước lệ miêu tả ngoại hình	<i>Chị em Thuý Kiều</i>
Qua ngôn ngữ đối thoại	<i>Thuý Kiều báo ân báo oán</i>
Bút pháp tả cảnh ngũ tình, ngôn ngữ độc thoại	<i>Kiều ở lầu Ngưng Bích</i>